

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận
2. Bà Tôn Thị Ngọc Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1146/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; nơi thường trú: số 3/40, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Hồng T, sinh năm 1955; nơi thường trú: số 3/40, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: số B224C, tổ 8, khu phố A1, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Phan Hồng T tự nguyện tìm hiểu và sống chung từ đầu năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà P và ông T cùng sống chung tại số 3/40, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống, bà P và ông T sống rất hạnh phúc tuy nhiên sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T không có việc làm, bà P có khuyên ông T tìm kiếm một việc làm ổn định để có thu nhập chăm lo cho gia đình nhưng ông T không nghe, ngoài ra ông T không chăm sóc vợ con, thường to tiếng với vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, từ đó ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân. Bà P và ông T ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà P và ông T có 01 người con chung là Phan Minh K, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007. Khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2017 bị đơn ông Phan Hồng T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông T thừa nhận ông và bà P có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông T nhiều lần to tiếng với bà P từ đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, ông T xác định ông không còn tình cảm với bà P và đồng ý ly hôn với bà P.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con chung bà P vẫn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T; ông T có nơi thường trú tại phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phan Hồng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà P và ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về sống đoàn tụ hạnh phúc, ngoài ra bà P và ông T sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau. Tòa án đã động viên hai bên tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà P và ông T xác định không thực hiện

thủ tục đăng ký kết hôn và yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông T.

[4] Về con chung: Bà P và ông T có một người con chung Phan Minh K, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007. Tại phiên toà bà P vẫn giữ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Phan Minh K hiện đang sống chung với bà P, cần được sự quan tâm, chăm sóc và giáo dục từ mẹ, mặt khác bà P có công việc ổn định. Ngoài ra, để đảm bảo sự phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con nên cần giao cháu K cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn ông Phan Hồng T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Phan Hồng T.

- Về con chung: Giao cháu Phan Minh K, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 cho bà Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu ông Phan Hồng T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị P và ông Phan Hồng T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017791 ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

